

Ngày thi: 22/04/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
1	1826618635	Trần Thị Tươg	Bích	T18XDDB	10			8		7		7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
2	1827618633	Lê Xuân	Quan	T18XDDB	9			7		5		4	5.4	Năm phẩy Bốn		
3	1827618634	Mai Anh	Tuấn	T18XDDB	7			6		5		4	4.9	Bốn phẩy Chín		
4	1827618636	Lê Mỹ	Cường	T18XDDB	10			8		7		7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
5	1827618637	Huỳnh Văn	Quang	T18XDDB	8			7		6.5		4	5.4	Năm phẩy Bốn		
6	1827618639	Đỗ Văn	Tây	T18XDDB	9			7		7		4	5.7	Năm phẩy Bảy		
7	1827618643	Trần	Mí	T18XDDB	9			7		7		4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
8	1827618644	Nguyễn Văn	Bôn	T18XDDB	10			8		7		7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
9	1827618645	Bùi Hải	Phong	T18XDDB	8			6		5		3	0.0	Không		
10	1827618646	Nguyễn Thanh	Quang	T18XDDB	9			7		5		6	6.5	Sáu phẩy Năm		
11	1827618647	Trần Văn	Đức	T18XDDB	9			7		5		5	5.9	Năm phẩy Chín		
12	1827618648	Nguyễn Văn	Tú	T18XDDB	9			7		5		3	0.0	Không		
13	1827618649	Nguyễn Văn	Hồng	T18XDDB	7			6		6		3	0.0	Không		
14	1827618651	Phan Văn	Hùng	T18XDDB	8			6		5.5		4	5.1	Năm phẩy Một		
15	1827618652	Nguyễn Hữu	Thịnh	T18XDDB	9			7		6		6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
16	1827618654	Nguyễn Văn	Hoan	T18XDDB	8			7		5		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
17	1827618655	Trần Phước	Quân	T18XDDB	7			6.5		4		6.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
18	1827618657	Lê Đức	Vũ	T18XDDB	10			8		7		7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
19	1827618658	Nguyễn Thanh	Trúc	T18XDDB	9			7.5		5		5	6.0	Sáu		
20	1827618659	Hạ	Hà	T18XDDB	8			6		5.5		4	5.1	Năm phẩy Một		
21	1827618660	Hồ Xuân	Hùng	T18XDDB	8			7		5		4	5.2	Năm phẩy Hai		
22	1827618661	Phan Văn	Chính	T18XDDB	8			7		4.5		1	0.0	Không		
23	1827618662	Đặng Xuân	Hòa	T18XDDB	7			6.5		4		5	5.4	Năm phẩy Bốn		
24	1827618663	Tôn Mạnh	Cường	T18XDDB	8			7		7.5		5	6.1	Sáu phẩy Một		
25	1827618666	Nguyễn Ngọc	Hà	T18XDDB	9			7		0		V	0.0	Không	NỖ HP	
26	1827618668	Nguyễn Thanh	Phong	T18XDDB	9			8		6.5		7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
27	1827618713	Ngô Văn	Á	T18XDDB	7			6		4		5	5.3	Năm phẩy Ba		
28	178224865	Lê Văn	Linh	T18XDDB	7			6		4.5		6	5.9	Năm phẩy Chín		
29	168222771	Hồ Thanh	Cao	T16XDCB	7			5		4		4	4.6	Bốn phẩy Sáu	77672DT	
30	111150394	Đào Phi	Hoàng	K14XDC	8			7		8		6	6.8	Sáu phẩy Tám	83851DT	
31	151214584	Đình Hoàng	Huy	K15XCD2	7			6		5		7	6.6	Sáu phẩy Sáu	81656DT	
32	151214615	Huỳnh Văn	Bảy	K15XCD1	6			5		0		2	0.0	Không	76129DT	
33	152212651	Lê Kỳ	Trung	K15XDD1	7			6		5		V	0.0	Không	Hoãn Thi	
34	168222791	Phan Quốc	Việt	T16XDCB	6			6		5		6	5.9	Năm phẩy Chín	79226DT	
35	122220451	Nguyễn Lê Ngọc	Vũ	K14XDC	8			7		8		7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	84394DT	
36	161216888	Nguyễn Văn	Minh	K16XCD2	6			5		4		5	5.0	Năm	76571DT	
37	168222110	Đình Xuân	Tâm	T16XDC	7			5		6		5	5.5	Năm phẩy Năm	81038DT	
38	168222117	Nguyễn Văn	Tiền	T16XDC	7			6		6		4	5.1	Năm phẩy Một	83221DT	
39	152212653	Phạm Việt	Quốc	K15XDD1	7			5		4		V	0.0	Không	Hoãn Thi	
40	152212652	Trần	Học	K15XDD2	6			5		4		4	4.5	Bốn phẩy Năm	83238DT	

Ngày thi: 22/04/2014

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
41	168222099	Dương Xuân Nghiêm	T16XDC	7			6		5			4	4.9	Bốn phần Chín	86318DT	
42	161215209	Lê Tuấn	K16XCD2	6			6		4			4	4.6	Bốn phần Sáu	83610DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	33	80%	
2	Số sinh viên nợ	8	20%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 05 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân